

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BVĐK NAM LIÊN CHIỂU

Số: 391 /BV-Dược&TTBYT

V/v mời cung cấp thông tin báo giá dịch vụ tư vấn thẩm định E-HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Mua sắm vật tư, hóa chất theo máy phục vụ cho công tác khám chữa bệnh thường xuyên của Bệnh viện Đa khoa Nam Liên Chiểu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 04 năm 2023

Kính gửi: Các công ty có năng lực về tư vấn thẩm định E-HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm vật tư y tế, hóa chất sử dụng tại các cơ sở khám chữa bệnh

Hiện nay, Bệnh viện Đa khoa Nam Liên Chiểu đang xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư, hóa chất theo máy phục vụ cho công tác khám chữa bệnh thường xuyên tại đơn vị. Bệnh viện Đa khoa Nam Liên Chiểu kính mời các công ty quan tâm gửi hồ sơ chào giá gồm các nội dung sau:

1. Danh mục hàng hóa: theo *Phụ lục 1* đính kèm.

2. Mục tiêu: Tư vấn thẩm định E-HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: mua sắm vật tư, hóa chất theo máy phục vụ cho công tác khám chữa bệnh thường xuyên của bệnh viện đa khoa Nam Liên Chiểu.

3. Hồ sơ gồm có:

- Hồ sơ pháp lý và năng lực của doanh nghiệp có năng lực về tư vấn thẩm định E-HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm vật tư y tế, hóa chất sử dụng tại các cơ sở khám chữa bệnh.

- Báo giá bao gồm các nội dung sau: Tên dịch vụ, đơn vị tính, đơn giá (Đã bao gồm thuế, phí, lệ phí theo quy định), thành tiền, thời hạn hiệu lực của báo giá (Mẫu báo giá theo phụ lục chi tiết đính kèm).

4. Thời gian nhận báo giá: Bắt đầu từ ngày ra thông báo đến hết **17 giờ ngày 08 tháng 05 năm 2023.**

5. Địa chỉ nhận báo giá:

Khoa Dược&Trang thiết bị y tế - Bệnh viện đa khoa Nam Liên Chiểu

Số 68 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng.

Mọi thắc mắc liên hệ số điện thoại: 0236.3764927 (Trong giờ hành chính, trừ thứ 7, chủ nhật, ngày lễ).

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý công ty.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: TCHC



BS. Trần Viết Gia

THÔNG TIN CHI TIẾT GÓI THẦU: Mua sắm vật tư, hóa chất theo máy
phục vụ cho công tác khám chữa bệnh thường xuyên
của Bệnh viện Đa khoa Nam Liên Chiểu

(Phụ lục đính kèm công văn số 391 /BV-Dược&TTBYT ngày 28/04/2023)

[illegible]

Tên công ty.....

Địa chỉ/ Văn phòng đại diện/ Trụ sở chính.....

SĐT..... Email:.....

Mã số thuế.....

BẢNG BÁO GIÁ DỊCH VỤ
TƯ VẤN THẨM ĐỊNH E-HSMT, THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ
THẦU

(Phụ lục đính kèm công văn số 391 /BV-Dược&TTBYT ngày 28 /04/2023)

Ngày:.....

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Nam Liên Chiểu

TT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
01	Tư vấn thẩm định E-HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: mua sắm vật tư, hóa chất theo máy phục vụ cho công tác khám chữa bệnh thường xuyên của bệnh viện đa khoa Nam Liên Chiểu.	Gói	01			

Báo giá có hiệu lực trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký.

Giá chào đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TRƯỚC PHÁP LUẬT

(Ký tên ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CHI TIẾT DANH MỤC HÀNG HÓA ĐỀ NGHỊ MUA SẴM
(Đính kèm thư mời chào giá số 39/H-BV-Dược & TTBT ngày 24/04/2023 của Bệnh viện đa khoa Nam Liên Chiểu)

STT	Tên hóa chất	Tên thương mại (tham khảo)	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách	Đơn vị tính	Hàng sản xuất (tham khảo)	Nước sản xuất (tham khảo)	Số lượng đề xuất	Đơn giá báo gồm (đã bao gồm VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Hiện lực kê khai	Mã kê khai
Phân số 1: HÓA CHẤT RỬA MÁY VÀ MIỀN DỊCH PHÙ HỢP CHO MÁY PHÂN TÍCH MIỀN DỊCH TỰ ĐỘNG COBAS E411													
1	Dung dịch hệ thống để làm sạch bộ phận phát hiện của máy phân tích xét nghiệm miễn dịch.	CLEAN-CELL	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. KOH 176 mmol/L (tương ứng với pH 13.2); chất tẩy ≤ 1 %.	6 x 380 ml	Hộp	Roche- Germany	Germany	8	1,712,061	13,696,488	1,883,267	23/06/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-02954
2	Dung dịch vệ sinh điện cực chọn lọc ion, cốc pha loãng và ống	ISE cleaning solution / Sys Clean	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. Dung dịch natri hydroxide: 3 mol/L với dung dịch natri hypochlorite < 2 % Cl hoạt tính	5x100 ml	Hộp	Roche- Germany	Germany	2	1,630,535	3,261,070	1,793,588	23/06/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-02516
3	Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa	PROCELL	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. Đệm phosphate 300 mmol/L; triethylamine 180 mmol/L; chất tẩy ≤ 0.1 %, chất bảo quản, pH 6.8	6 x 380 ml	Hộp	Roche- Germany	Germany	9	1,712,061	15,408,549	1,883,267	23/06/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-02953
4	Chải rửa giá cho bình chứa nước cất	ELECSYS SYS WASH	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. Dung dịch 500ml.	500 ml	Hộp	Roche- Germany	Germany	5	1,369,404	6,847,020	1,506,345	23/06/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-02508
5	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng HAV	Elecsys Anti- HAV IgM	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm * M Vi hạt phủ Streptavidin * R1 Anti-HAV Ab-Ru(bpy) * R2 Anti-HAV IgM Ab-biotin, HAV Ag * A-HAVIGM Cal1 Mẫu chuẩn âm tính 1 * A-HAVIGM Cal2 Mẫu chuẩn dương tính 2	100 tests	Hộp	Roche- Germany	Germany	1	7,709,783	7,709,783	8,480,761	23/06/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-01774
6	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm kháng thể kháng HAV	PreciControl Anti-HAV IgM	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm • PC A-HAVIGM1: 8 chai, mỗi chai chứa 0.67 mL huyết thanh chứng • PC A-HAVIGM2: 8 chai, mỗi chai chứa 0.67 mL huyết thanh chứng	2 x 8 x 0.67 ml	Hộp	Roche- Germany	Germany	1	2,325,173	2,325,173	2,557,690	01/04/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-01794
7	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng HCV	Elecsys Anti- HCV II	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. Bộ thuốc thử gồm: M Vi hạt phủ Streptavidin R1 HCV-specific antigens-biotin R2 HCV-specific antigens-Ru(bpy) A-HCV II Cal1 Mẫu chuẩn âm tính 1 A-HCV II Cal2 Mẫu chuẩn dương tính 2	100 tests	Hộp	Roche- Germany	Germany	5	7,587,405	37,937,025	8,346,146	23/06/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-01747
8	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm kháng thể kháng HCV	PreciControl Anti-HCV	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411 • PC A-HCV1: 8 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL huyết thanh chứng • PC A-HCV2: 8 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL huyết thanh chứng	2 x 8 x 1.3 ml	Hộp	Roche- Germany	Germany	2	2,325,173	4,650,346	2,557,690	23/06/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-01798
9	Cup chứa mẫu dung trên hệ thống cobas e 411	AssayCup	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. cúp bằng nhựa.	60 x 60 cup	Hộp	Roche- Germany/ Switzerland	Germany/ Switzerland	4	1,603,145	6,412,580	1,763,460	01/04/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-02510
10	Tip hút mẫu dung trên hệ thống cobas e 411	AssayTip	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. Tip bằng nhựa.	30x120 cái	Hộp	Roche- Germany/ Switzerland	Germany/ Switzerland	1	1,603,145	1,603,145	1,763,460	01/04/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-02509

STT	Tên hóa chất	Tên thương mại (tham khảo)	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất (tham khảo)	Nước sản xuất (tham khảo)	Số lượng đề xuất	Đơn giá báo (đã bao gồm VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Hiệu lực kê khai	Mã kê khai
11	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm FT4	CalSet FT4 III	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. • FT4 III Cal1: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 1 • FT4 III Cal2: 2 chai, mỗi chai chứa 1.0 mL mẫu chuẩn 2	4 x 1.0 mL	Hộp	Roche- Germany	Germany	1	1,223,775	1,223,775	1,346,153	23/06/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-03094
12	Thuốc thử xét nghiệm FT4	Elecsys FT4 III	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. Bộ thuốc thử được dán nhãn FT4 III. • M Vi hạt phủ streptavidin • R1 Anti-T4-Ab-Ru(bpy) • R2 T4-biotin	200 tests	Hộp	Roche- Germany	Germany	5	5,653,841	28,269,205	6,219,225	23/06/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-03092
13	Thuốc thử xét nghiệm HBsAg	Elecsys HBsAg II	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. Bộ thuốc thử (M, R1, R2) được dán nhãn HBSAG II. M Vi hạt phủ streptavidin R1 Anti-HBsAg-Ab-biotin R2 Anti-HBsAg-Ab-Ru(bpy) HBSAG II Cal1 Mẫu chuẩn âm tính 1 HBSAG II Cal2 Mẫu chuẩn dương tính 2	100 tests	Hộp	Roche- Germany	Germany	7	2,692,305	18,846,135	2,961,536	23/06/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-01854
14	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm HBsAg	PreciControl HBsAg II	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. • PC HBSAGII1: 8 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL huyết thanh chứng • PC HBSAGII2: 8 chai, mỗi chai chứa 1.3 mL huyết thanh chứng	2 x 8 x 1.3 ml	Hộp	Roche- Germany	Germany	3	1,713,285	5,139,855	1,884,614	23/06/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-01801
15	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HCG, beta-HCG	HCG+β CalSet	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. • HCG+β Cal1: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 1 • HCG+β Cal2: 2 chai, mỗi chai 1.0 mL mẫu chuẩn 2	4 x 1 ml	Hộp	Roche- Germany	Germany	1	1,223,775	1,223,775	1,346,153	23/06/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-01223
16	Thuốc thử xét nghiệm HCG, beta-HCG	Elecsys HCG-β	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. Bộ thuốc thử được dán nhãn HCG-BETA. • M Vi hạt phủ Streptavidin • R1 Anti-HCG-Ab-biotin • R2 Anti-HCG-Ab-Ru(bpy)	100 tests	Hộp	Roche- Germany	Germany	5	4,038,458	20,192,290	4,442,303	23/06/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-01763
17	Thuốc thử xét nghiệm kháng nguyên và kháng thể kháng HIV	Elecsys HIV combi PT	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. Bộ thuốc thử (M, R0, R1, R2) được dán nhãn HIVCOMPT. M Vi hạt phủ streptavidin R0 MESb) đệm 50 mmol/L, pH 5.5; 1.5 % Nonidet P40; chất bảo quản R1 Anti-HIV p24-Ab-, kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu HIV-1/2 (E. coli)-, peptide đặc hiệu HIV-1/2-biotin R2 Anti-HIV p24-Ab-, kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu HIV-1/2 (E. coli)-, peptide đặc hiệu HIV-1/2-Ru(bpy) HIVCOMPT Cal1 Mẫu chuẩn âm tính (nắp trắng; đóng khô), 2 chai để pha mỗi chai 1.0 mL. HIVCOMPT Cal2 Mẫu chuẩn dương tính (nắp đen; đóng khô), 2 chai để pha mỗi chai 1.0 mL.	100 tests	Hộp	Roche- Germany	Germany	7	4,200,000	29,400,000	4,620,000	01/02/2023 - 31/01/2024	KKG-0059-03177

STT	Tên hóa chất	Tên thương mại (tham khảo)	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất (tham khảo)	Nước sản xuất (tham khảo)	Số lượng để xuất	Đơn giá báo (đã bao gồm VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Hiệu lực kê khai	Mã kê khai
18	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm kháng nguyên và kháng thể kháng HIV	PrecoControl HIV Gen II	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. • PC HIV1: 2 chai, mỗi chai 2,0 mL huyết thành chứng • PC HIV2: 2 chai, mỗi chai 2,0 mL huyết thành chứng • PC HIV3: 2 chai, mỗi chai 2,0 mL huyết thành chứng	3 x 2 x 2,0 mL	Hộp	Roche- Germany	Roche- Germany	3	3,732,514	11,197,542	4,103,765	23/06/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-01835
19	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm miễn dịch	PrecoControl Universal	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. • PC U1: 2 chai để pha 2 x 3,0 mL huyết thành chứng (người) • PC U2: 2 chai để pha 2 x 3,0 mL huyết thành chứng (người)	4x3ml	Hộp	Roche- Germany	Germany	1	1,468,530	1,468,530	1,615,383	23/06/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-03110
20	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm T3	T3 CalSet	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. • T3 Cal1: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 1 • T3 Cal2: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 2	4 x 1 ml	Hộp	Roche- Germany	Germany	1	1,223,775	1,223,775	1,346,153	23/06/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-03111
21	Thuốc thử xét nghiệm T3	Elecsys T3	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. • M Vi hạt phủ streptavidin • R1 Anti-T3-Ab-Ru(bpy) • R2 T3-biotin	200 tests	Hộp	Roche- Germany	Germany	5	5,384,610	26,923,050	5,923,071	23/06/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-02907
22	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm TSH	TSH CalSet	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. • TSH Cal1: 2 chai, mỗi chai chứa 1,3 mL mẫu chuẩn 1 • TSH Cal2: 2 chai, mỗi chai chứa 1,3 mL mẫu chuẩn 2	4 x 1,3 ml	Hộp	Roche- Germany	Germany	3	1,223,775	3,671,325	1,346,153	23/06/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-02884
23	Dung dịch pha loãng mẫu (Diluent Universal)	Diluent Universal	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. Hỗn hợp protein, chất bảo quản ≤0,1	2 x 16 ml	Hộp	Roche- Germany	Germany	4	1,713,285	6,853,140	1,884,614	23/06/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-02952
24	Thuốc thử xét nghiệm TSH	Elecsys TSH	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. M Vi hạt phủ streptavidin (nắp trong), 1 chai, 12 mL: R1 Anti-TSH-Ab-biotin (nắp xanh), 1 chai, 14 mL: R2 Anti-TSH-Ab-Ru(bpy) (nắp đen), 1 chai, 12 mL:	200 tests	Hộp	Roche- Germany	Germany	5	5,384,610	26,923,050	5,923,071	23/06/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-02886
25	Thuốc thử xét nghiệm PCT (procalcitonin)	Elecsys BRAHMS PCT	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. Bộ thuốc thử (M, R1, R2) được dán nhãn PCT • M Vi hạt phủ Streptavidin (nắp trong), 1 chai, 6,5 mL: • R1 Anti-PCT-Ab-biotin (nắp xanh), 1 chai, 9 mL: • R2 Anti-PCT-Ab-Ru(bpy) (nắp đen), 1 chai, 9 mL: - PCT Cal1 PCT calibrator 1 (nắp trắng), 1 chai (đóng kho) pha 4 mL: - PCT Cal2 PCT calibrator 2 (nắp đen), 1 chai	100 Test	Hộp	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Germany	3	19,580,400	58,741,200	21,538,440	23/06/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-02903
26	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 125 II	CA 125 II CalSet	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. • CA125 II Cal1: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 1 • CA125 II Cal2: 2 chai, mỗi chai 1,0 mL mẫu chuẩn 2	4 x 1,0 mL	Hộp	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Germany	1	1,468,530	1,468,530	1,615,383	23/06/2022 - 31/12/2023	KKG-0059-02855

STT	Tên hóa chất	Tên thương mại (tham khảo)	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất (tham khảo)	Nước sản xuất (tham khảo)	Số lượng đề xuất	Đơn giá báo (đã bao gồm VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Hiệu lực kê khai	Mã kê khai
27	Thuốc thử xét nghiệm CA 125	Elecsys CA 125 II	Phù hợp với máy miễn dịch tự động E411. Bộ thuốc thử được dán nhãn CA125 II. • M Vi hạt phủ Streptavidin (nắp trong), 1 chai, 6,5 mL; • R1 Anti-CA 125-Ab-biotin (nắp xám), 1 chai, 9 mL; • R2 Anti-CA 125-Ab-Ru(bpy) (nắp đen), 1 chai, 9 mL;	100 Test	Hộp	Roche Diagnostics GmbH, Germany	Germany	2	7,709,783	15,419,566	8,480,761	23/06/2023 - 31/12/2023	KKG-0059-03075
Phần số 2: HÓA CHẤT VÀ VẬT TƯ TIÊU HOA ĐỒNG BỘ THEO MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG HUMASTAR 600 & HUMALYZER 3000													
28	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol	Alcohol ethanol	Thuốc thử Alcohol ethanol Thành phần chính: Buffer pH 8.3 300 mmol/L NAD+ 10 mmol/L Alcohol dehydrogenase (ADH) 3 200 kU/L Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	R1: 1x60ml R2: 1x20ml	Hộp	MTI Diagnostics, Đức	Đức	21	3,811,500	80,041,500	5,161,012	01/01/2023 - 31/12/2023	KKG-0417-00488
29	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol	Alcohol ethanol calibrator	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	1x1ml	Hộp	MTI Diagnostics, Đức	Đức	3	820,000	2,460,000	1,348,767	01/01/2023 - 31/12/2023	KKG-0417-00008
30	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol	Alcohol ethanol control	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	2x1ml	Hộp	MTI Diagnostics, Đức	Đức	3	1,250,000	3,750,000	1,974,319	01/01/2023 - 31/12/2023	KKG-0417-00007
31	AUTOCAL CALIBRATOR	AUTOCAL	Chất hiệu chuẩn sử dụng cho xét nghiệm sinh hóa - Thành phần: Huyết thanh người và các thành phần hóa học - Độ bền trên máy: ở 25°C: 8 giờ; ở 2-8°C: 7 ngày - Đóng gói: 4x 5ml - TCCL: CE, ISO 13485	4 x 5 ml	Hộp	Aalto Scientific Ltd/Mỹ	Mỹ	3	3,600,000	10,800,000	5,389,000	30/03/2023 - 30/03/2024	KKG-0511-00413
32	Thuốc thử dùng cho máy phân tích sinh hóa (HUMATROL N)	HUMATROL N	-Huyết thanh kiểm soát dùng trong xét nghiệm sinh hóa. - Thành phần: Mỗi lọ có 5.0 ml vật liệu kiểm soát dạng đông khô, thành phần chính là huyết thanh bò -Điều kiện bảo quản (dạng đông khô): 2-8oC bền đến hạn sử dụng. Sau khi hoàn nguyên sẽ bền ở 2...8°C cho ít nhất: chất vô cơ, chất hữu cơ và enzymes 7 ngày, bilirubin 4 ngày và acid phosphatase 2 ngày. -Đóng gói: 6 x 5 ml -Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485	6 x 5 ml	Hộp	Aalto Scientific Ltd/Mỹ	Mỹ	4	3,060,000	12,240,000	3,587,000	30/03/2023 - 30/03/2024	KKG-0511-00414

STT	Tên hóa chất	Tên thương mại (tham khảo)	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất (tham khảo)	Nước sản xuất (tham khảo)	Số lượng đề xuất	Đơn giá bảo (đã bao gồm VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Hiệu lực kê khai	Mã kê khai
33	Thuốc thử dùng cho máy phân tích sinh hóa (HUMATROL P)	HUMATROL P	-Huyết thanh kiểm soát dùng trong xét nghiệm sinh hóa - Thành phần: Mỗi lọ có 5.0 ml vật liệu kiểm soát dạng đông khô, thành phần chính là huyết thanh bò -Điều kiện bảo quản (dạng đông khô): 2-8oC bền đến hạn sử dụng. Sau khi hoàn nguyên sẽ bền ở 2...8°C cho ít nhất chất vô cơ, chất hữu cơ và enzymes 7 ngày; bilirubin 4 ngày và acid phosphatase 2 ngày. -Đóng gói: 6 x 5 ml -Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485	6 x 5 ml	Hộp	Aalto Scientific Ltd/My	Mỹ	4	3,060,000	12,240,000	3,718,000	30/03/2023 - 30/03/2024	KKG-0511-00415
34	Dung dịch làm mềm nước cất sử dụng cho máy sinh hóa tự động	Additive Wash Solution	-Dung dịch rửa máy chuyên dùng cho máy xét nghiệm HumaStar300 - HumaStar 600 -Thành phần: Chất tẩy rửa 25%, Chất bảo quản < 0.093 % -Điều kiện bảo quản: bảo quản ở 2-25oC, ở nhiệt độ phòng bền tới hạn sử dụng -Đóng gói: Hộp/ 4x25ml -TCCL:CE, ISO 13485	4 x 25 ml	Hộp	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostica mbH/Đức	Đức	8	1,492,472	11,939,776	1,900,000	30/03/2023 - 30/03/2024	KKG-0511-00462
35	Dung dịch pha loãng cho máy phân tích sinh hóa tự động	DILUENT	- Dung dịch pha loãng mẫu chuyên dùng cho máy HumaStar600, lọ có mã vạch đóng -Thành phần: 9 g/l sodium chloride, 0.093% Gentamicin sulphate -Điều kiện bảo quản: bảo quản ở 2-25oC -Đóng gói: Hộp/ 4x20ml -TCCL:CE, ISO 13485	4x20 ml	Hộp	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostica mbH/Đức	Đức	4	1,045,000	4,180,000	1,108,000	30/03/2023 - 30/03/2024	KKG-0511-00468
36	Dung dịch rửa công đo cho máy sinh hóa tự động	CUVETTE CLEAN	Dung dịch rửa công đo cho máy sinh hóa tự động	6x55 ml	Hộp	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostica mbH/Đức	Đức	4	2,071,950	8,287,800	2,180,000	30/03/2023 - 30/03/2024	KKG-0511-00466
37	Dung dịch rửa kim cho máy sinh hóa tự động	TIP CLEANING KIT	Dung dịch rửa kim cho máy sinh hóa tự động	4x20 ml + 4x20 ml	Hộp	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostica mbH/Đức	Đức	7	926,209	6,483,463	1,387,000	30/03/2023 - 30/03/2024	KKG-0511-00461

STT	Tên hóa chất	Tên thương mại (tham khảo)	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất (tham khảo)	Nước sản xuất (tham khảo)	Số lượng đề xuất	Đơn giá báo (đã bao gồm VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Hiệu lực kê khai	Mã kê khai
38	Thuốc thử xét nghiệm Albumin	Albumin Liqicolor	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng nồng độ Albumin trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: BCG - Thành phần: [RGT] Colour reagent Citrate buffer (pH 4.2) 30 mmol/l Bromocresol green 260 µmol/l [STD] Standard Albumin 4 g/dl or 40 g/l Sodium azide 0.095 % - Bảo quản: 2 -25°C - Đóng gói: [RGT] 4 x 100ml Colour reagent [STD] 1 x 3 ml Standard - TCCL: CE, ISO 13485	[RGT] 4x100ml [STD] 1x3ml	Hộp	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostica mbH/Đức	Đức	1	805,885	805,885	850,000	29/12/2022 - 31/12/2023	KKG-0271-00001
39	Thuốc thử sử dụng cho máy phân tích sinh hóa (alpha-Amylase liquicolor)	alpha-Amylase liquicolor	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng alpha Amylase trong huyết tương và huyết thanh	12x10 ml	Hộp	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostica mbH/Đức	Đức	26	4,560,000	118,560,000	5,980,000	30/03/2023 - 30/03/2024	KKG-0511-00398
40	Thuốc thử xét nghiệm CK-MB	CK-MB liquiUV	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng CK-MB trong huyết tương và huyết thanh	[ENZ] 10x8ml [SUB] 2x10ml	Hộp	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostica mbH/Đức	Đức	4	6,050,000	24,200,000	6,050,000	29/12/2022 - 31/12/2023	KKG-0271-00009
41	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CK-MB	CK-MB Calibrator	Chất hiệu chuẩn sử dụng cho xét nghiệm sinh hóa CK-MB Thành phần: [CAL] 2 x 1 ml Calibrator human serum, (lyophilised) -Điều kiện bảo quản: sau hoàn nguyên bên được 5 ngày ở 2 ... 8°C. Có thể chia nhỏ và giữ trong tủ âm để bảo quản lâu hơn. -Đóng gói: Hộp/2 x 1 ml -Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Hộp (2x1ml)	Hộp	Aalto Scientific Ltd/Mỹ	Mỹ	1	3,182,500	3,182,500	3,350,000	29/12/2022 - 31/12/2023	KKG-0271-00054
42	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm CK-MB	CK-MB Control	Vật liệu kiểm soát cho xét nghiệm định lượng CK-MB -Thành phần: huyết thanh người dạng đông khô -Điều kiện bảo quản: từ 2-8°C khi chưa mở nắp bên tới hạn sử dụng. Sau khi hoàn nguyên có thể chia thành nhiều phần nhỏ và giữ trong tủ đông ở -18°C, bên được tối đa 4 tuần -Đóng gói:	[Low] 2x2ml [High] 2x2ml	Hộp	Aalto Scientific Ltd/Mỹ	Hoa Kỳ	1	4,275,000	4,275,000	4,500,000	29/12/2022 - 31/12/2023	KKG-0271-00046

STT	Tên hóa chất	Tên thương mại (tham khảo)	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất (tham khảo)	Nước sản xuất (tham khảo)	Số lượng đề xuất	Đơn giá bảo (đã bao gồm VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Hiệu lực kê khai	Mã kê khai
43	Thuốc thử dùng cho máy phân tích sinh hóa (CALCIUM LIQ2*100ML)	CALCIUM Liquecolor	- Hóa chất sử dụng cho xét nghiệm để định lượng nồng độ Canxi trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: Calcium CPC - Thành phần [BUF] 100 ml Dung dịch đệm Buffers - Dung dịch đệm Lysine (pH 11.1) 0.2 mol/L; - Sodium azide 0.095% [RGT] 100 ml Thuốc thử màu 8-Hydroxyquinoline 14 mmol/L; o-Cresolphthalein-complexone 0.1 mmol/L; - Hydrochloric acid 40 mmol/L [STD] 3 ml Dung dịch Standard - Calcium (II) 8 mg/dl hoặc 2 mmol/L; Sodium azide 0.095% - Độ bền trên máy: trong 7 ngày ở 2-8°C và 3 ngày ở 15-25°C - Độ ổn định: đến hạn sử dụng khi bảo quản đúng cách - Đóng gói: [BUF] 100 ml Dung dịch đệm Buffers; [RGT] 100 ml Thuốc thử màu; [STD] 3 ml Dung dịch Standard - TCCL: CE, ISO 13485	Hộp 200ml	Hộp	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostica mbH/Dức	Đức	47	1.100.000	51.700.000	1.100.000	30/03/2023 - 30/03/2024	KKG-0511-00309
44	Thuốc thử dùng cho máy phân tích sinh hóa (Cholesterol liquicolor)	Cholesterol liquicolor	- Hóa chất sử dụng cho xét nghiệm để định lượng nồng độ Cholesterol trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: CHOD-PAP - Thành phần: [RGT] 4x100 ml Thuốc thử enzyme - Dung dịch đệm Phosphate (pH 6.5) 30 mmol/L; 4-Aminophenazone 0.3 mmol/L; Phenol 5 mmol/L; Peroxidase > 5 KU/L; - Cholesterolessterase > 150 U/L; - Cholesteroloxidase > 100 U/L; Sodium azide 0.05 % [STD] 3 ml Dung dịch chuẩn Standard - Cholesterol 200 mg/dl hay 5.17 mmol/L; - Sodium azide 0.095% - Độ bền trên máy: 2 tuần ở 15-25°C - Đóng gói: [RGT] 4x100 ml Thuốc thử enzyme; [STD] 3 ml Dung dịch chuẩn Standard - TCCL: CE, ISO 13485	4x100 ml	Hộp	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostica mbH/Dức	Đức	13	2.593.500	33.715.500	2.730.000	15/04/2023 - 15/04/2024	KKG-0511-00548

STT	Tên hóa chất	Tên thương mại (tham khảo)	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất (tham khảo)	Nước sản xuất (tham khảo)	Số lượng đề xuất	Đơn giá báo (đã bao gồm VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Hiệu lực kê khai	Mã kê khai
45	Thuốc thử dùng cho máy phân tích sinh hóa (Creatinine liquicolor)	Creatinine liquicolor	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng nồng độ Creatinine trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: Jaffe-Reaction - Thành phần: [PIC] Picric Acid 26 mmol/l [NaOH] Sodium Hydroxide 1.6 mol/l [STD] Standard: Creatinine 2 mg/dl or 176.8 µmol/l - Ôn định: 4 tuần ở 15-25°C - Đóng gói: [PIC] 1 x 100 ml Picric Acid [NaOH] 1 x 100 ml Sodium Hydroxide [STD] 1 x 5 ml Standard - TCCL: CE, ISO 13485	Hộp 200ml	Hộp	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostica mbH/Đức	Đức	49	912,000	44,688,000	960,000	15/04/2023 - 15/04/2024	KKG-0511-00549
46	Thuốc thử dùng cho máy phân tích sinh hóa (Glucose liquicolor)	Glucose liquicolor	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng nồng độ Glucose trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: GOD-PAP Method - Thành phần: [RGT] Enzyme reagent Phosphate buffer (pH 7.5) 100 mmol/l 4-Aminoantipyrine 0.25 mmol/l Phenol 0.75 mmol/l Glucose oxidase ≥ 15 KU/l Peroxidase ≥ 1.5 KU/l Mutarotase > 0.1 KU/l Sodium azide 0.095 % [STD] Standard Glucose 100 mg/dl or 5.55 mmol/l - Độ ổn định: 2 tuần ở 15-25°C - Đóng gói: [RGT] 4 x 100 ml ; [STD] 1 x 3 ml - TCCL: CE, ISO 13485	4x100 ml	hộp	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostica mbH/Đức	Đức	36	1,377,500	49,590,000	1,655,000	30/03/2023 - 30/03/2024	KKG-0511-00327
47	Thuốc thử xét nghiệm HDL- Cholesterol	HDL Cholesterol liquicolor	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng HDL-Cholesterol trong huyết tương và huyết thanh	[ENZ] 1x60ml [SUB] 1x20ml [CAL] 1x4ml	Hộp	Denka Co., Ltd/Nhật Bản	Nhật	49	5,688,600	278,741,400	6,000,000	29/12/2022 - 31/12/2023	KKG-0271-00023
48	Thuốc thử xét nghiệm LDL- Cholesterol	LDL Cholesterol liquicolor	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng LDL-Cholesterol trong huyết tương và huyết thanh	[R1] 1x60ml [R2] 1x20ml [CAL] 1x4ml	Hộp	Denka Co., Ltd/Nhật Bản	Nhật	5	8,569,000	42,845,000	9,020,000	29/12/2022 - 31/12/2023	KKG-0271-00028
49	Thuốc thử sử dụng cho máy phân tích sinh hóa (Triglycerides liquicolormono)	Triglycerides liquicolormono	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng Triglycerides trong huyết tương và huyết thanh	4x100 ml	Hộp	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostica mbH/Đức	Đức	13	4,845,000	62,985,000	5,100,000	15/04/2023 - 15/04/2024	KKG-0511-00550

STT	Tên hóa chất	Tên thương mại (tham khảo)	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất (tham khảo)	Nước sản xuất (tham khảo)	Số lượng đề xuất	Đơn giá bảo (đã bao gồm VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Hiệu lực kê khai	Mã kê khai
50	Thuốc thử sử dụng cho máy phân tích sinh hóa (Uric acid liquidcolor)	Uric acid liquidcolor	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng uric acid trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: PAP-Method - Thành phần: [RGT1] Enzyme reagent Phosphate buffer (pH 7.5) 50 mmol/l 4-Aminophenazone 0.3 mmol/l DCHES 4 mmol/l Uricase ≥ 200 U/l Peroxidase ≥ 1000 U/l [STD] Standard Uric acid 8 mg/dl or 476 μmol/l Sodium azide 0.095 % - Độ ổn định: 2 tuần ở 15-25°C - Đóng gói: [RGT1] 4 x 30 ml Enzyme reagent [STD] 3 ml Standard - TCCL: CE, ISO 13485	4x30 ml	Hộp	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostics mbH/Dức	Đức	13	1.045.000	13.585.000	1.252.000	30/03/2023 - 30/03/2024	KKG-0511-00352
51	Thuốc sử dụng cho máy phân tích sinh hóa (Urea liquidcolor)	Urea liquidcolor	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng nồng độ Ure trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: Thủy phân Ure, Berthelot reaction - Thành phần: [RGT1] Reagent 1 Phosphate buffer (pH 7.0): 120 mmol/l Sodium salicylate: 60 mmol/l Sodium nitroprusside: 5 mmol/l EDTA: 1 mmol/l [RGT2] Reagent 2 Phosphate buffer (pH < 13): 120 mmol/l Hypochlorite: ≈ 0.6 g/l Cl [ENZ1] Enzyme Urease: > 500 KU/l [STD] Standard Urea: 80 mg/dl or 13.3 mmol/l equivalent to BUN: 37.28 mg/dl or 6.2 mmol/l Sodium azide: 0.095 % - Độ ổn định: + [RGT1], [RGT2], [ENZ1]: 6 tuần ở 2-8°C hoặc 2 tuần ở 15-25°C + [STD]: 4 tuần ở 2 - 8°C hoặc 2 tuần ở 15-25°C - Đóng gói: RGT1] 100 ml ; [RGT2] 100 ml ; [ENZ1] 1 ml ; [STD] 3 ml - TCCL: CE, ISO 13485	2x100 ml	Hộp	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostics mbH/Dức	Đức	49	988.000	48.412.000	1.205.000	30/03/2023 - 30/03/2024	KKG-0511-00333
52	Thuốc thử sử dụng cho máy phân tích sinh hóa (GOT (ASAT) liquidUV)	GOT (ASAT) liquidUV	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa ... để định lượng GOT trong huyết tương và huyết thanh	8x50 ml	Hộp	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostics mbH/Dức	Đức	18	2.802.500	50.445.000	2.950.000	15/04/2023 - 15/04/2024	KKG-0511-00551

STT	Tên hóa chất	Tên thương mại (tham khảo)	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất (tham khảo)	Nước sản xuất (tham khảo)	Số lượng đề xuất	Đơn giá báo đã bao gồm VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Hiệu lực kê khai	Mã kê khai
53	Thuốc thử sử dụng cho máy phân tích sinh hóa (GPT(ALT) IqulUV)	GPT(ALT) IqulUV	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng GPT trong huyết tương và huyết thanh	8x50 ml	Hộp	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostica mbH/Đức	Đức	18	2,755,000	49,590,000	2,900,000	15/04/2023 - 15/04/2024	KKG-0511-00552
54	Thuốc sử dụng cho máy phân tích sinh hóa (Gamma-GT Iquicolor)	Gamma-GT Iquicolor	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng GGT trong huyết tương và huyết thanh	8x50 ml	Hộp	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostica mbH/Đức	Đức	13	4,446,000	57,798,000	4,865,000	30/03/2023 - 30/03/202	KKG-0511-00389
55	Thuốc thử xét nghiệm Protein toàn phần	Total Protein Iquicolor	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng nồng độ Protein toàn phần trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: Biuret Method - Thành phần: [RGT] Colour reagent Sodium hydroxide 200 mmol/l Potassium sodium tartrate 32 mmol/l Copper sulfate 12 mmol/l Potassium iodide 30 mmol/l [STD] Standard Protein 8 g/dl or 80 g/l Sodium azide 0.095 % - Bảo quản: 2 -25°C - Đóng gói: [RGT] 4 x 100 ml Colour reagent [STD] 1 x 3 ml Standard - TCCL: CE, ISO 13485	[RGT] 4x100ml; [STD] 1x3ml	Hộp	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostica mbH/Đức	Đức	3	1,140,000	3,420,000	1,200,000	29/12/2022 - 31/12/2023	KKG-0271-00030
56	Thuốc thử sử dụng cho máy phân tích sinh hóa (auto-Bilirubin-D Iquicolor)	auto-Bilirubin-D Iquicolor	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng Bilirubin trực tiếp trong huyết tương và huyết thanh	Hộp 375ml	Hộp	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostica mbH/Đức	Đức	3	1,982,000	5,946,000	1,982,000	30/03/2023 - 30/03/2024	KKG-0511-00363
57	Thuốc thử sử dụng cho máy phân tích sinh hóa (auto-Bilirubin-T Iquicolor)	auto-Bilirubin-T Iquicolor	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng Bilirubin toàn phần trong huyết tương và huyết thanh	Hộp 375ml	Hộp	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostica mbH/Đức	Đức	3	2,394,000	7,182,000	2,605,000	30/03/2023 - 30/03/2024	KKG-0511-00366
58	Thuốc thử xét nghiệm Ferritin	Ferritin Reagent Kit	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng Ferritin trong huyết tương và huyết thanh	[BUF] 1x25ml; [RGT] 1x12.5ml	Hộp	Denka Co., Ltd , Nhật Bản	Nhật Bản	2	15,960,000	31,920,000	16,800,000	29/12/2022 - 31/12/2023	KKG-0271-00013
59	Halogen lamp 12V 20W for HumaStar 600	Halogen lamp 12V 20W for HumaStar 600	Bóng đèn Halogen 12V-20W sử dụng cho máy HumaStar 600. REF: 16661/7 - Bộ 1200 công do phân ứng cho máy sinh hóa tự động HumaStar 600. Mẫu và thuốc thử được phân phối vào nhiều dải cuvette, mỗi dải có 5 cuvette. Các khay phản ứng chứa 16 dải cuvette, tổng cộng 160 cuvette mỗi khay.	Hộp/ cái	Cái	Diatron MI Zrt	Diatron MI Zrt , Hungary	4	7,349,305	29,397,220	7,736,110	26/04/2023 - 26/04/2024	KKG-0511-00123

STT	Tên hóa chất	Tên thương mại (tham khảo)	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất (tham khảo)	Nước sản xuất (tham khảo)	Số lượng đề xuất	Đơn giá báo (đã bao gồm VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Hiệu lực kê khai	Mã kê khai
60	Reaction cuvettes for HumasStar 600	Reaction cuvettes for HumasStar 600	Mẫu và thuốc thử được phân phối vào nhiều dải cuvet. Mỗi dải có 5 cuvet. Các khay phân tích chứa 16 cuvet mỗi dải, hệ thống có tổng cộng 160 cuvet (≥1200 cái)	Hộp 1200 cái	Hộp	Diatron MI Zrt	Hungary	3	11,721,253	35,163,799	12,338,161	26/04/2023 - 26/04/2024	KKG-0511-00119
Phần số 3: HÓA CHẤT ĐỒNG BỘ THEO: MÁY HUYẾT HỌC HC80TS													
61	Dung dịch pha loãng cho máy phân tích huyết học tự động (HC- DILUENT)	HC-DILUENT	Dung dịch pha loãng sử dụng cho các máy huyết học dòng HumaCount - Thành phần: Natri sunphat (1%), dẽm phosphat vô cơ (<0,6%), natri clorua (<0,3%), natri azit (<0,05%) - Đông gột: 1x 20L - TCCL: CE, ISO 13485	Thùng 20 lít	Hộp	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostica mbH/Đức	Đức	100	4,437,609	443,760,900	4,671,167	17/04/2023 - 17/04/2024	KKG-0511-00555
62	Thuốc thử sử dụng cho máy phân tích huyết học (HC-LYSE-CF)	HC-LYSE-CF	Dung dịch ly giải hồng cầu sử dụng cho các máy huyết học dòng HumaCount - Thành phần: Muối amoni bạc bốn (2,7%), chất hoạt động bề mặt (<0,05%) - Đông gột: 2x1L - Độ bền: 36 tháng - TCCL: CE, ISO 13485	2x1 lít	Hộp	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostica mbH/Đức	Đức	49	5,885,430	288,386,070	6,195,189	17/04/2023 - 17/04/2024	KKG-0511-00553
63	Dung dịch rửa cho máy phân tích huyết học tự động	HC-CLEANER	Dung dịch rửa máy sử dụng cho các máy huyết học dòng HumaCount - Thành phần: Natri photphat (<1%), natri clorua (<1%), chất hoạt động bề mặt (<2%), natri azit (<0,05%), xanh bromocresol (<0,001%) - Đông gột: 1L - Độ bền sau khi mở nắp: 90 ngày - TCCL: CE, ISO 13485	Hộp/ 1 lít	Hộp	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostica mbH/Đức	Đức	72	1,439,084	103,614,048	1,514,825	17/04/2023 - 17/04/2024	KKG-0511-00554
64	Thuốc thử sử dụng cho máy phân tích huyết học	HC-CONTROL	Vật liệu kiểm soát sử dụng cho các máy huyết học dòng HumaCount - Đông gột: [CÁP ĐỎ 1] 2,5 ml khoảng thấp (nắp xanh da trời) [CÁP ĐỎ 2] 2,5 ml khoảng bình thường (nắp xanh lá cây) [CÁP ĐỎ 3] 2,5 ml khoảng cao (nắp đỏ) - Thành phần: Các tế bào máu được ổn định gồm hồng cầu (từ người), bạch cầu (từ động vật có vú, mô phòng) và thành phần tiền cầu - TCCL: CE, ISO 13485	3x2,5 ml	Hộp	R&D Systems, Inc/Mỹ	Mỹ	12	8,170,000	98,040,000	10,205,000	30/03/2023 - 31/03/2024	KKG-0511-00494
Phần số 4: HÓA CHẤT ĐỒNG BỘ MÁY ĐIỆN GIẢI HUMALYTE PLUS 3													
65	Bộ thuốc thử máy Humalyte plus 3	Reagent Pack Humalyte Plus 3	Gói thuốc thử sử dụng cho máy phân tích điện giải 3 thông số Humalyte Plus 3	1000 ml	Bộ	"Careturn Medical Instruments Co., Limited", Trung Quốc	Trung Quốc	5	14,316,918	71,584,590	19,083,000	30/03/2023 - 30/03/2024	KKG-0511-00478

STT	Tên hóa chất	Tên thương mại (tham khảo)	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất (tham khảo)	Nước sản xuất (tham khảo)	Số lượng đề xuất	Đơn giá bảo (đã bao gồm VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Hiệu lực kê khai	Mã kê khai
66	Dung dịch kiểm soát chất lượng thiết bị	QC Solution	Dung dịch QC Solution được sử dụng để kiểm định chất lượng của thiết bị phân tích Humalyte Plus 3 và Humalyte Plus 5. - Đóng gói: 1 x 100 ml, dạng lỏng, đựng trong chai nhựa, đóng nắp vận trắng, có nhãn - Độ ổn định: 24 tháng - Độ bền trên máy: 2 tháng - TCCL: CE, ISO 13485	100ml/ Lo	Hộp	Careium Medical Instruments Co., Limited , Trung Quốc	Trung Quốc	1	2,004,758	2,004,758	3,505,000	30/03/2023 - 30/03/2024	KKG-0511-00472
67	Điện cực đo Ion Kali	K ELECTRODE (HUMALYTE PLUS)	Điện cực Kali máy điện giải, phù hợp với máy Humalyte Plus 5: Ngưỡng đo: 0.5 - 15mmol/L Độ chính xác: ≤1.5% Độ nhiễu chéo: <1.5% Đóng gói: hộp 1 chiếc Bảo quản ở 5 -35°C, hạn sử dụng 12 tháng, hạn sử dụng sau khi lắp vào máy: 6 tháng TCCL: CE, ISO 13485	Hộp 1 cái	Cái	Careium Medical Instruments Co., Limited , Trung Quốc	Trung Quốc	1	12,624,360	12,624,360	16,837,000	30/03/2023 - 30/03/2024	KKG-0511-00483
68	Điện cực đo Ion Natri	NA ELECTRODE (HUMALYTE PLUS)	Điện cực Natri máy điện giải, phù hợp với máy Humalyte Plus 5: Ngưỡng đo: 30 - 200mmol/L Độ chính xác: ≤1.0% Độ nhiễu chéo: <1.5% Đóng gói: hộp 1 chiếc Bảo quản ở 5 -35°C, hạn sử dụng 24 tháng, hạn sử dụng sau khi lắp vào máy: 12 tháng TCCL: CE, ISO 13485	Hộp 1 cái	Cái	Careium Medical Instruments Co., Limited , Trung Quốc	Trung Quốc	1	12,624,360	12,624,360	16,837,000	30/03/2023 - 30/03/2024	KKG-0511-00484
69	Điện cực đo Ion Chloride	CL ELECTRODE (HUMALYTE PLUS)	Điện cực Cl máy điện giải, phù hợp với máy Humalyte Plus 5: Ngưỡng đo: 30 - 200mmol/L Độ chính xác: ≤1.5% Độ nhiễu chéo: <1.5% Đóng gói: hộp 1 chiếc Bảo quản ở 5 -35°C, hạn sử dụng 12 tháng, hạn sử dụng sau khi lắp vào máy: 6 tháng TCCL: CE, ISO 13485	Hộp 1 cái	Cái	Careium Medical Instruments Co., Limited , Trung Quốc	Trung Quốc	1	12,624,360	12,624,360	16,837,000	30/03/2023 - 30/03/2024	KKG-0511-00485
Phần số 5: HÓA CHẤT ĐỒNG BỘ CHO MÁY NƯỚC TIÊU COMBILYZER VA													
70	Que thử dùng cho máy sinh hóa nước tiểu	Combina 11S	Kit test do 11 thông số nước tiểu, được dùng riêng theo máy Combylizer VA Kit 150 test	Hộp 150 test	Hộp	Analyticon Biotechnologies AG/Đức	Đức	117	1,425,000	166,725,000	3,014,000	30/03/2023 - 30/03/2024	KKG-0511-00470
Phần số 6: HÓA CHẤT THEO MÁY ĐỒNG MÁU													
71	Thuốc thử đo thời gian Prothrombin (PT)	00375 Neoplastine CI Plus 5	Hóa chất xét nghiệm thời gian prothrombine (PT) trên máy đông máu bán tự động	Hộp/ 6 x 5-ml đồng khô + 6 x 5-ml dung dịch đệm	HỘP	STAGO	PHÁP	3	3,200,000	9,600,000	3,607,422	01/01/2023 - 31/12/2023	KKG-1018-00692

STT	Tên hóa chất	Tên thương mại (tham khảo)	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất (tham khảo)	Nước sản xuất (tham khảo)	Số lượng đề xuất	Đơn giá bảo (đã bao gồm VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Hiệu lực kê khai	Mã kê khai
72	Thuốc thử đo thời gian Thromboplastin hoạt hoá từng phần (APTT)	00598 C.K. Prest 2	Hóa chất xét nghiệm APTT hoạt hóa bằng Kaolin, máy đông máu bán tự động	6x2 ml	HỘP	STAGO	PHÁP	3	3,163,020	9,489,060	3,700,000	01/01/2023 - 31/12/2023	KKG-1018-00746
73	Thuốc thử Canxi Clorua dùng trong xét nghiệm đông máu	00367 STA - CAC12 0.025M	Dung dịch lỏng Canxi Clorua 0.025 M dùng cho các xét nghiệm đông máu	24x15 ml	HỘP	STAGO	PHÁP	1	3,960,000	3,960,000	4,000,000	01/01/2023 - 31/12/2023	KKG-1018-00690
74	Thuốc thử định lượng Fibrinogen	00673 STA - Liquid Fib	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen	12x4 ml	HỘP	STAGO	PHÁP	1	17,110,195	17,110,195	21,485,000	01/01/2023 - 31/12/2023	KKG-1018-00713
75	Dung dịch đêm cho xét nghiệm đông máu (Owren Koller)	00360 STA - Owren-Koller	Dung dịch pha loãng mẫu đông máu	24x15 ml	HỘP	STAGO	PHÁP	1	4,273,500	4,273,500	4,451,129	01/01/2023 - 31/12/2023	KKG-1018-00689
76	Vật tư tiêu hao dùng cho máy đo đông máu (Couglution Cuvette)	38876 CUVETTES	Công đo xét nghiệm đông máu bán tự động	4x150 cuv	Thùng	STAGO	Pháp/Đức	2	4,763,000	9,526,000	4,912,050	01/01/2023 - 31/12/2023	KKG-1018-00741
77	Vật tư tiêu hao dùng cho máy đo đông máu (Falcon Biles)	26441 FLACON DE 1850 BILLES	Bì tử cho xét nghiệm đông máu bán tự động	1850 biles	Gói	STAGO	Pháp	1	9,633,850	9,633,850	9,648,639	01/01/2023 - 31/12/2023	KKG-1018-00737
78	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm đông máu thường quy máy bán tự động (Coag Control N+P)	00621 Coag Control N+P	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm đông máu thường quy	12x2x1 ml	HỘP	STAGO	Pháp	2	8,500,000	17,000,000	11,130,074	01/01/2023 - 31/12/2023	KKG-1018-00706
Phân số 7: HÓA CHẤT VÀ CÁC TEST XÉT NGHIỆM KHÁC													
79	Anti-Streptolysin O (ASO) Latex	ASO Latex	Xét nghiệm phản ngưng kết latex nhanh để xác định định tính và bán định lượng antistreptolysin-O trong huyết thanh người của các bệnh liên cầu khuẩn. Hộp 100test, ISO-13485. Thuốc thử có độ nhạy ở ngưỡng 200 IU / ml, bảo quản 2-8 độ C	Hộp 100 test	Hộp	Reckon	Ân Độ	2	440,000	880,000	500,000	Từ ngày 02/04/2022 đến ngày 31/12/2023	KKG-0969-00010
80	RF Latex	RF Latex	Xét nghiệm phản ngưng kết latex nhanh để xác định định tính và bán định lượng in- vitro của các yếu tố thấp khớp(RF) trong huyết thanh không pha loãng để phát hiện các bệnh thấp khớp. Hộp 100test. ISO-13485. Thuốc thử có độ nhạy ở ngưỡng 8 IU/ml. Bảo quản ở 2-8 độ C	Hộp 100 Test	Hộp	Reckon	Ân Độ	4	420,000	1,680,000	500,000	Từ ngày 01/04/2022 đến ngày 31/12/2023	KKG-0969-00022
81	CRP(C-Reactive Protein)	CRP Latex	Xét nghiệm phản ngưng kết latex nhanh để xác định định tính và bán định lượng C- Reactive Protein (CRP) của các bệnh viêm nhiễm. Hộp 100test. ISO-13485. Thuốc thử có độ nhạy ở ngưỡng 0.6 mg/dl. Bảo quản ở 2- 8 độ C	Hộp 100 Test	Hộp	Reckon	Ân Độ	5	420,000	2,100,000	500,000	từ ngày 02/04/2022 đến ngày 31/12/2023	KKG-0969-00009

STT	Tên hóa chất	Tên thương mại (tham khảo)	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất (tham khảo)	Nước sản xuất (tham khảo)	Số lượng đề xuất	Đơn giá báo (đã bao gồm VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Hiệu lực kê khai	Mã kê khai
82	Anti-A (Monoclonal Reagent)	Anti-A	Kháng thể đơn dòng được dẫn xuất từ các dòng tế bào lai, được tạo ra bằng cách hợp nhất tế bào lympho B sinh kháng thể của chuột với các tế bào u tủy chuột. Mỗi dòng tế bào lai sinh ra kháng thể đồng nhất chỉ của 1 lớp immunoglobulin giống nhau về cấu trúc hóa học và hoạt tính miễn dịch. Tế bào hồng cầu người có kháng nguyên A sẽ ngưng kết khi có mặt kháng thể tiếp xúc trực tiếp với kháng nguyên	10 ml/ lọ	Lọ	Spectrum	Âi Cập	5	92,190	460,950	115,000	Từ ngày 01/07/2022 đến ngày 31/12/2023	KKG-0969-00001
83	Anti-AB (Monoclonal Reagent)	Anti AB	Kháng thể đơn dòng được dẫn xuất từ các dòng tế bào lai, được tạo ra bằng cách hợp nhất tế bào lympho B sinh kháng thể của chuột với các tế bào u tủy chuột. Mỗi dòng tế bào lai sinh ra kháng thể đồng nhất chỉ của 1 lớp immunoglobulin giống nhau về cấu trúc hóa học và hoạt tính miễn dịch. Tế bào hồng cầu người có kháng nguyên A và/hoặc kháng nguyên B sẽ ngưng kết khi có mặt kháng thể tiếp xúc trực tiếp với kháng nguyên	10 ml/ lọ	Lọ	Spectrum	Âi Cập	5	92,190	460,950	120,000	Từ ngày 01/07/2022 đến ngày 31/12/2023	KKG-0969-00002
84	Anti-B (Monoclonal Reagent)	Anti B	Kháng thể đơn dòng được dẫn xuất từ các dòng tế bào lai, được tạo ra bằng cách hợp nhất tế bào lympho B sinh kháng thể của chuột với các tế bào u tủy chuột. Mỗi dòng tế bào lai sinh ra kháng thể đồng nhất chỉ của 1 lớp immunoglobulin giống nhau về cấu trúc hóa học và hoạt tính miễn dịch. Tế bào hồng cầu người có kháng nguyên B sẽ ngưng kết khi có mặt kháng thể tiếp xúc trực tiếp với kháng nguyên	10 ml/ lọ	Lọ	Spectrum	Âi Cập	5	92,190	460,950	115,000	Từ ngày 01/07/2022 đến ngày 31/12/2023	KKG-0969-00003
85	Anti-D IgG/IgM (Blend Reagent)	Anti D (IgM+IgG)	Kháng thể đơn dòng được dẫn xuất từ các dòng tế bào lai, được tạo ra bằng cách hợp nhất tế bào lympho B sinh kháng thể của chuột với các tế bào u tủy chuột hoặc được dẫn xuất từ dòng tế bào người B qua quá trình chuyển giao EBV. Mỗi dòng tế bào lai sinh ra kháng thể đồng nhất chỉ của 1 lớp immunoglobulin giống nhau về cấu trúc hóa học và hoạt tính miễn dịch. Tế bào hồng cầu người có kháng nguyên D sẽ ngưng kết khi có mặt kháng thể tiếp xúc trực tiếp với kháng nguyên	10 ml/ lọ	Lọ	Spectrum	Âi Cập	5	159,500	797,500	260,000	Từ ngày 01/07/2022 đến ngày 31/12/2023	KKG-0969-00004

STT	Tên hóa chất	Tên thương mại (tham khảo)	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất (tham khảo)	Nước sản xuất (tham khảo)	Số lượng đề xuất	Đơn giá báo (đã bao gồm VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Hiệu lực kê khai	Mã kê khai
86	Bút thử xét nghiệm định tính hCG (Bút thử phát hiện thai sớm)	Truline™ hCG Pregnancy Rapid Test Midstream	Chỉ định: Định tính phát hiện hCG trong nước tiểu của người. Hoạt chất chính: Kháng thể chuột kháng hCG. Kháng thể chuột kháng hCG. Hạn dùng: 24 tháng - Ngưỡng phát hiện: 25 mIU/mL - Hiệu quả lâm sàng: - Độ nhạy tương quan: 100% (95%CI*: 96,3% - 100%) - Độ đặc hiệu tương quan: 100% (95%CI*: 97,5% - 100%) - Độ chính xác tương quan: 100% (95%CI*: 98,49% - 100%) Phản ứng chéo: Sản phẩm không có phản ứng chéo với: LH (300 mIU/mL), FSH (1000 mIU/mL) và TSH (1000 µIU/mL). • Độ chính xác ngẫu nhiên: 100% • Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100% • Độ tin cậy: 100%. Dạng bút kích thước 82mm x 4,8 mm	Hộp 50 xét nghiệm gồm: 50 hộp đơn (mỗi hộp gồm 1 bút thử)	Test	Medicon - VN	Medicon - VN	1.600	11.550	18.480.000	39.000	Từ ngày 21/10/2022 đến ngày 31/12/2024	KKG-0991-00043
87	Test ma túy 4 trong 1	Quick Test DOA Multi 4 Drug (THC-MET-AMP-MOP)	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: + Morphine: 300 ng/ml + Amphetamine: 1000 ng/ml + Methamphetamine: 500 ng/ml + THC: 50 ng/ml Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,6% Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C. Hạn dùng: 24 tháng, kể từ ngày sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 Có chứng nhận chất lượng COA từ nhà sản xuất.	15 test/hộp	Test	AMV/VN	AMV/VN	4.173	38.500	160.660.500	65.000	Từ ngày 01/04/2022 đến ngày 01/04/2025	KKG-1611-00007
88	Test định lượng HbA1c	Standard™ AlcoCare test kit	"Test dùng với máy xét nghiệm AlcoCare, sử dụng để kiểm soát giá trị HbA1c định kỳ 3 tháng 1 lần với những bệnh nhân tiểu đường. Hộp 20 test bao gồm 20 túi que thử, 1 thanh code chip để nhận diện số lot của hộp test, 20 ống đong để hòa mẫu. Mỗi túi có 1 que thử dạng khay màu đen và 1 kim lấy mẫu trên que thử có công nhận mẫu, có mẫu chứng. Mẫu sử dụng: mẫu mao mạch hoặc mẫu tĩnh mạch. Đọc Kết quả sau 3 phút. Kết quả hiển thị trên máy đọc AlcoCare (SD Biosensor) với 2 thông số: HbA1c và Hemoglobin tổng số.	Hộp 20 test	Test	SD Biosensor, Inc - Hàn Quốc	SD Biosensor, Inc - Hàn Quốc	624	68.500	42.744.000	70.406	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023	KKG-0292-00089

STT	Tên hóa chất	Tên thương mại (tham khảo)	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất (tham khảo)	Nước sản xuất (tham khảo)	Số lượng đề xuất	Đơn giá báo (đã bao gồm VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Hiệu lực kê khai	Mã kê khai
89	Test nhanh chẩn đoán dạ dày	SD Bioline H.pylori	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA...) kháng H.pylori trong mẫu huyết thanh, huyết tương. Thể tích mẫu sử dụng là 10 µl. Độ nhạy tương quan 95,9%; Độ đặc hiệu tương quan 89,6% so với phương pháp Elisa. Đọc kết quả sau 10 phút. Kits xét nghiệm ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C. Công hợp vàng kháng nguyên H.pylori-keo vàng: 1±0,2µg	Hộp 30 test	Test	Standard Diagnostic, InC- Hàn Quốc	Standard Diagnostic, InC-Hàn Quốc	650	33.300	21,645,000	35,028	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023	KKG-0292-00051
90	Test nhanh chẩn đoán giang mai	SD Bioline Syphilis 3.0	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng Treponema pallidum. Độ nhạy tương quan: 99,3%. Độ đặc hiệu tương quan: 99,5% so với TPHA.; Mẫu xét nghiệm: huyết thanh, huyết tương; máu toàn phần. Không có phản ứng chéo với các mẫu dương tính Malaria P.f, Malaria P.v, mẫu chứa yếu tố dạng thấp, dương tính Leprosy, mẫu của phụ nữ mang thai. Bảo quản ở nhiệt độ 2-30°C. Thanh thử ổn định 72 giờ sau khi mở túi nhôm.	Hộp 100 test	Test	Standard Diagnostic, InC- Hàn Quốc	Standard Diagnostic, InC-Hàn Quốc	400	19,803	7,921,200	19,803	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023	KKG-0292-00044
91	Test nhanh chẩn đoán HBsAg	SD Bioline HBsAg	Hoạt chất chính: Cặp kháng thể chuột kháng HBsAg Hạn dùng: 24 tháng Hiệu quả chẩn đoán: - Độ nhạy tương quan: 100,0% (95%CI*: 97,13% - 100%) - Độ đặc hiệu tương quan: 98,8% (95%CI*: 96,96% - 99,53%) - Độ chính xác tương quan: 99,14% (95%CI*: 97,80% - 99,66%) *95%CI: Khoảng tin cậy 95%	Hộp 40 test	Test	Medicon - VN	Medicon - VN	60	21,000	1,260,000	28,000	Từ ngày 24/11/2022 đến ngày 31/12/2024	KKG-0991-00092
92	Test nhanh chẩn đoán HIV	SD Bioline HIV 1/2 3.0	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Độ nhạy tương quan: 100%; Độ đặc hiệu tương quan: 99,8% so sánh với phương pháp Elisa. Không có phản ứng chéo với các mẫu thăm tách máu, mẫu rối loạn đông máu, mẫu chứa yếu tố dạng thấp, mẫu dương tính với kháng thể kháng HCV và mẫu máu phụ nữ mang thai. Thanh thử ổn định 48 giờ sau khi mở túi nhôm.	Hộp 100 test	Test	Standard Diagnostic, InC- Hàn Quốc	Standard Diagnostic, InC-Hàn Quốc	600	32,540	19,324,000	32,550	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023	KKG-0292-00037

STT	Tên hóa chất	Tên thương mại (tham khảo)	Thông số kỹ thuật (thuộc tương đương)	Quy cách	Đơn vị tính	Hàng sản xuất (tham khảo)	Nước sản xuất (tham khảo)	Số lượng để xuất	Đơn giá bảo (đã bao gồm VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Hiệu lực kê khai	Mã kê khai
93	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết IgG và IgM	SD Bioline Dengue IgG/IgM	Phát hiện phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng các type virus Dengue 1,2,3 và 4. Không có phản ứng chéo với nhóm Flavivirus khác và những bệnh do muỗi truyền. Độ nhạy 94,6%. Độ đặc hiệu 96,3% so với Elisa. Các mẫu có ly giải màu, các mẫu có chứa yếu tố thấp khớp, mờ màu, chứng hoàng đản không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Thanh thử ổn định sau 72 giờ sau khi mở túi nhôm.	Hộp 25 test	Test	Standard Diagnostic, Inc- Hàn Quốc	Standard Diagnostic, Inc-Hàn Quốc	260	57,078	14,840,280	63,461	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023	KKG-0292-00067
94	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B	SD Bioline HBsAg	Phát hiện định tính kháng nguyên HBV trong mẫu huyết thanh, huyết tương người. Độ nhạy: 100%. Độ đặc hiệu tương quan: 100%so sánh với phương pháp Elisa. Giới hạn phát hiện 1 ng/ml. Các mẫu ly giải màu, mẫu mờ màu, vàng da không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Không có phản ứng chéo với các mẫu chứa yếu tố dạng thấp, chứa kháng thể kháng HCV, kháng thể kháng HIV và phụ nữ mang thai. Thanh thử ổn định 72 giờ sau khi mở túi nhôm.	Hộp 30 test	Test	Standard Diagnostic, Inc- Hàn Quốc	Standard Diagnostic, Inc-Hàn Quốc	260	17,300	4,498,000	17,318	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023	KKG-0292-00039
95	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	SD Bioline HCV	Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, mẫu toàn phần người. Sử dụng kháng nguyên HCV tái tổ hợp: protein lõi, NS3, NS4, NS5. Thể tích mẫu sử dụng là 10µl. Độ nhạy tương quan: 100%, Độ đặc hiệu tương quan: 99,4% so với phương pháp RT-PCR. Thanh thử ổn định 72 giờ sau khi mở túi nhôm. Màng nitrocellulose: 25±5 x 4,5±0,9mm, Kirs xét nghiệm ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C	Hộp 100 test	Test	Standard Diagnostic, Inc- Hàn Quốc	Standard Diagnostic, Inc-Hàn Quốc	390	28,560	11,138,400	28,620	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023	KKG-0292-00041
96	Test nhanh phát hiện KN Dengue NS1 chẩn đoán sốt xuất huyết	SD Bioline Dengue NS1 Ag	Phát hiện kháng nguyên virus Dengue NS1 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và mẫu toàn phần người. Độ nhạy tương quan: 92,4%. Độ đặc hiệu tương quan: 98,4% so với RT-PCR. Mẫu ly giải, mẫu chứa yếu tố dạng thấp, mẫu mờ màu và vàng da không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Thanh thử ổn định 72 giờ sau khi mở túi nhôm.	Hộp 25 test	Test	Standard Diagnostic, Inc- Hàn Quốc	Standard Diagnostic, Inc-Hàn Quốc	1,397	87,255	121,895,235	96,957	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023	KKG-0292-00066

STT	Tên hóa chất	Tên thương mại (tham khảo)	Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách	Đơn vị tính	Hãng sản xuất (tham khảo)	Nước sản xuất (tham khảo)	Số lượng đề xuất	Đơn giá báo (đã bao gồm VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Hiệu lực kê khai	Mã kê khai
97	Test thử đường huyết	SD CodeFree™ Blood Glucose Test Strip	Thành phần thuốc thử: hoạt chất (cho 100 que thử) - Glucose oxidase (GOD) 300 đơn vị - Potassium ferricyanide 9.0 mg - Vùng đo: 10 –600mg/dL (0.6 – 33.3 mmol/L) - Thể tích mẫu: 0.9 µl - Thời gian thử: 5 giây - Que thử điện cực vàng, xét nghiệm men GOD xúc tác phản ứng chuyển hóa Glucose. - Không code chip	Hộp 50 test	Test	SD Biosensor, InC - Hàn Quốc	SD Biosensor, InC - Hàn Quốc	1,000	7,539	7,539,000	7,539	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023	KKG-0292-00103
98	Khay thử xét nhiễm định tính kháng nguyên H.pylori	Certest H.Pylori	Phát hiện định tính Helicobacter pylori trong mẫu phân. Khoảng giới hạn phát hiện là: 0.78ng / mL - 0.09ng / mL của protein tái tổ hợp mang ngoài H. pylori. Độ nhạy 98.2% (95%CI: 90.3-100.0%), độ đặc hiệu 98.4% (95%CI 91.2-100.0%) so với q-PCR	Hộp 20 test	Test	Certest Biotec S.L., - Tây Ban Nha	Certest Biotec S.L., - Tây Ban Nha	100	93,639	9,363,900	98,574	Từ ngày 19/09/2022 đến ngày 31/12/2023	KKG-0312-00034
99	Test chẩn đoán vi khuẩn h.py qua nội soi	NK-PYLORI TEST	Hộp 20 giếng rời được dùng để phát hiện nhánh H. pylori có trong bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy	Hộp 20 test	Test	Nam Khoa/ VN	Nam Khoa/ VN	700	12,600	8,820,000	20,000	Từ ngày 01/04/2022 đến ngày 31/12/2023	KKG-0218-00224
Tổng cộng:											3.308.358,641		